

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC8+VSP02+BK14	7:25	18+3+0	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
2		TD2+VSP02	7:25	19+2	0+0		15+7	0+0	
3		P8+P9+VSP01	9:25	3+13+6	0+0+0		2+14+5	0+0+0	
4		P9+RC8	10:15	17+0	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD2 - VSP02	CREW: Dương - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	40	1	12		100	KHOAN	Russian
2	TRUONG THANH TUNG	TD2	43	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
3	LY ANH TUAN	TD2	44	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	41	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN HUNG HUNG	TD2	45-46	2	14		99	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN HUNG	TD2	39	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	LE THANH NGOC	TD2	47-48	2	15		50	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN HOANG	TD2	35	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VAN LOI	TD2	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DINH BAO	TD2	36	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC TU	TD2	52	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
12	DO MINH HOANG	TD2	55	1	18		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC KHOI	TD2	53	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN GIA CUONG	TD2	54	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC HUNG	TD2	56-57	2	20	36	84	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHUONG DUY	TD2	50	1	10		135	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC ANH	TD2	42	1	13		91	ANTOAN	Vietnamese
18	NGO VAN TINH	TD2	37-38	2	20	2	63	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC HUNG	TD2	60	1	7		65	PSV	Vietnamese
20	DAO XUAN THAO	VSP02	69	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TO THANH	VSP02	68	1	10		60	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	23	201	1.448	38	15		
2	VSP02	2	2	18	129	0	7		
TOTAL		21	25	219	1.577	38	22		
WEIGHT KG				219	1.577	38			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/07/2023	TO: RC8 - VSP02 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Thanh	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HOÀNG	RC8				50	72	D-HANH	Vietnamese
2	YAKOVENKO EVGENY. B	RC8					93	D-HANH	Russian
3	BOVT A.B	RC8					92	D-HANH	Russian
4	NGUYỄN HOÀI VŨ	RC8					67	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG GIANG	RC8	28	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUÂN	RC8	32-33	2	6		67	D-HANH	Vietnamese
7	PHAN KIM CƯỜNG	RC8					59	D-HANH	Vietnamese
8	ĐÀO NGUYỄN HUNG	RC8					79	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VIỆT THANH	RC8					75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUỐC KHÁNH	RC8	29-30	2	4		76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH QUỐC PHONG	RC8					60	CODIEN	Vietnamese
12	YATSENKO S.V.	RC8	77	1	3		100	ANTOAN	Russian
13	PHẠM THANH BÌNH	RC8					75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ VĂN	RC8	34	1	3		72	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI TRỌNG HÂN	RC8					65	NIPI	Vietnamese
16	BUI HỒNG DƯƠNG	RC8					59	NIPI	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC BÌNH	RC8					61	T-TIN	Vietnamese
18	LƯU VĂN KHUÔNG	RC8	31	1	9		73	DK9	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	10-11	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	SERGIENKO	VSP02	12	1	8		82	KH-THAC	Russian
21	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	09	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

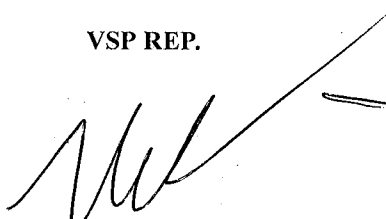
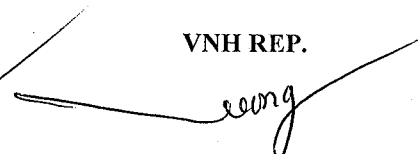
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC8	18	8	30	1.312	50	1		
2	VSP02	3	4	26	231	0	7		
3	BK14	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		21	12	56	1.543	50	22		
WEIGHT KG				56	1.543	50			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/07/2023	TO: VSP01 - P8 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương - Thanh	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOI	VSP01	01	1	3		70	YTE	Vietnamese
2	DUONG BA HUNG	VSP01					74	PSV	Vietnamese
3	VU VAN DIEP	VSP01	02	1	5		68	PSV	Vietnamese
4	LE ANH MINH	VSP01	03	1	5	35	97	PSV	Vietnamese
5	HA THE BINH	VSP01	07	1	3		67	PSV	Vietnamese
6	LE XUAN HA	VSP01	08-09	2	20		63	PSV	Vietnamese
7	Dinh Tung Lam	P8	02-03	2	17	32	65	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG DUAN	P8	01	1	8		68	PSV	Vietnamese
9	LE CAO HAI	P8	800	1	9		63	PSV	Vietnamese
10	FIRSOV EVGENII	P9	69	1	15		105	KHOAN	Russian
11	NGUYEN VAN TRUONG	P9	64-65	2	10		83	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG HOAN	P9	71	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THAI DUONG	P9	67-68	2	16		53	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH TINH	P9	58	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN PHAN	P9	66	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	DAU CAO KHANG	P9	63	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUY LINH	P9	61-62	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TUAN	P9	59-60	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN VAN THANH	P9	56	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGO HONG GIANG	P9	55	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN HUNG	P9	70	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN VAN BINH	P9	57	1	8		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

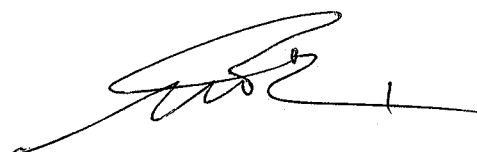
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	6	6	36	439	35	5		
2	P8	3	4	34	196	32	2		
3	P9	13	17	123	953	0	15		
TOTAL		22	27	193	1.588	67	22		
WEIGHT KG				193	1.588	67			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/07/2023	TO: P9 - RC8	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:15
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO -	ETA: 12:05
CAM-2		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NHÂM ĐỨC QUANG	P9	72	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG TIẾN	P9	12	1	18	26	79	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HOANG	P9	01-02	2	7		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P9	10-11	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN HUY	P9	09	1	16		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	P9	96	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM ANH ĐỨC	P9	89	1	6		57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VIÊN	P9	03-04	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐÔNG	P9	07-08	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LONG	P9	05	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN ĐÌNH HÙNG	P9	97-98	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ HOANG TIẾN	P9	90	1	16		81	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM HẠN VŨ	P9	91-92	2	10	16	68	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN KHA	P9	94	1	16	10	68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG TRINH	P9	500	1	5		56	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH KIM NGHĨA	P9	99	1	5		96	APAVE	Vietnamese
17	DOAN VAN THINH	P9	15	1	2		47	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	23	197	1.164	67	0		
2	RC8	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		17	23	197	1.164	67	22		
WEIGHT KG				197	1.164	67			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

X

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+TD5	7:25	16+6	0+0		10+12	0+0	
2		CTC1+RC3+RP3	7:25	5+6+11	0+0+0		3+1+18	0+0+0	
3		PPD+TD5	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	chuyen 1 ppd-td5
4		CTK3+PPD+RP2	7:25	19+0+0	0+0+0		0+6+13	0+0+0	ec225
5		P2+PVD1	9:25	18+3	0+0		16+6	0+0	
6		PPD	9:25	18	0		19	0	
7		BK5+BK6+P2	9:25	5+4+13	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
8		RP2+CTK3	10:15	16+0	0+0+0		0+19	0+0+0	ec225
9		BK14+RP2+CTC1	11:35	9+0+10	0+0		2+8+12	0+0	
10		RC10+MRM+RC3	11:35	4+4+8	0+0+0		4+4+12	0+0+0	Thao ghe doi cho hang
11		TD3+RP2	13:35	22+0	0+0		16+6	0+0	
12		TD1+P4+P3	13:35	4+17+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ về trong ngày. CK3-Đoàn 19 người, CTC1-3ng, RC3-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2023	TO: RP2 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH HA	RP2	46	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HOANG	RP2	53	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH THINH	RP2	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC SANG	RP2	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG QUOC VUONG	RP2	48	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN LY	RP2	45	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN THIEM	RP2	51	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH DUY	RP2	49	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TUAN ANH	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THANG	RP2	54	1	9		56	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN VIET HUNG	RP2	55	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DUONG	RP2	50	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CONG MINH HIEU	RP2	60	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN Y	RP2	44	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TUAN ANH	RP2	56-57	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG QUOC MAI	RP2	43	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TRUNG SON	TD5	13	1	5	55	75	D-HANH	Vietnamese
18	VU TRONG HACH	TD5	16	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM DANG KHOI	TD5	19	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DUY TAM	TD5	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TAN VINH	TD5	17-18	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN BINH	TD5	14	1	4		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	16	94	1.158	0	10		
2	TD5	6	7	42	458	55	12		
TOTAL		22	23	136	1.616	55	22		
WEIGHT KG				136	1.616	55			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CTC1 - RC3 - RP3	CREW: Dương - ĐNam - Toan	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SĨ TOÀN	CTC1				30	80	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	CTC1				40	88	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM HỮU TÍNH	CTC1	38	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	400	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN NINH	CTC1	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN VŨ	RC3	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH PHƯƠNG	RC3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH DŨNG	RC3					90	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	RC3				30	70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN DŨNG	RC3	02	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					65	KH-THAC	Vietnamese
12	DUBOV	RP3	83	1	5		100	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					90	KHI	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	92	1	5		82	KHI	Vietnamese
15	HÀ VĂN THUY	RP3	87	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KÝ	RP3	88	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	HOANG VĂN HAI	RP3	85	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	90	1	5		85	KHI	Vietnamese
19	VÕ ĐÓN LONG	RP3	89	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	91	1	5	55	68	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	84	1	5	30	67	KHI	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN HUY	RP3	86	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

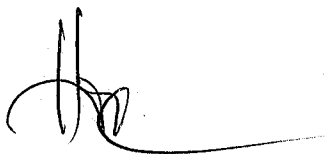
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	5	3	15	385	70	3		
2	RC3	6	2	9	415	30	1		
3	RP3	11	10	50	835	85	18		
TOTAL		22	15	74	1.635	185	22		
WEIGHT KG				74	1.635	185			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - TD5	CREW: TTrung - Mạnh - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH VIEN	PPD	09-10	2	15		76	KHI	Vietnamese
2	VO VAN QUYEN	PPD	11	1	6		67	KHI	Vietnamese
3	TRAN SON TOAN	PPD	13	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC LAM	PPD	14	1	6		76	KHI	Vietnamese
5	LE VAN LONG	PPD	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	TD5	41	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	47	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	HA QUOC DUNG	TD5	46	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VINH DUY	TD5	49-50	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HUNG	TD5	40	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	48	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SON	TD5	44	1	7	20	71	YTE	Vietnamese
13	LUU VAN PHONG	TD5	42	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG CAM	TD5	37	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN TINH	TD5	43	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NHAN	TD5	36	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TAN	TD5	35	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CONG LUU	TD5	34	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUY HOANG	TD5	51-52	2	12		74	ANTOAN	Vietnamese
20	NGO MINH PHUONG	TD5	53	1	6	20	85	ANTOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN GIANG	TD5	39	1	6		70	DVL	Vietnamese
22	LUONG NGOC HOANG	TD5	38	1	7		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	6	37	363	0	0+2		CHUYEN 1 PAX PPD-TD5
2	TD5	17	19	133	1.200	40	22		
TOTAL		22	25	170	1.563	40	22		
WEIGHT KG				170	1.563	40			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:28
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - PPD - RP2	CREW: <i>Hieu - Thuy</i>	ETA: 09:20

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	CTK3					70	BỘ CÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LONG	CTK3					73	BỘ CÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3					76	BỘ CÔNG	Vietnamese
4	LÊ MINH HÙNG	CTK3					68	BỘ CÔNG	Vietnamese
5	HOANG ANH TUYẾN	CTK3					75	BỘ CÔNG	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH LUẬT	CTK3					69	BỘ CÔNG	Vietnamese
7	TRẦN ĐĂNG DŨNG	CTK3					71	BỘ CÔNG	Vietnamese
8	LÊ MINH HAI	CTK3					74	BỘ CÔNG	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	CTK3					76	BỘ CÔNG	Vietnamese
10	ĐÔNG VĂN NAM	CTK3					68	BỘ CÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH HÙNG	CTK3					69	CÔNG AN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY CHIẾN	CTK3					70	CÔNG AN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TRUNG	CTK3					73	CÔNG AN	Vietnamese
14	TRẦN BÌNH MINH	CTK3					71	PVN	Vietnamese
15	CAO CHÍ KIẾN	CTK3					72	PVN	Vietnamese
16	LÊ VIỆT DŨNG	CTK3					67	VIETSOVP	Vietnamese
17	LÊ VĂN TRÚC	CTK3					69	BAO NANG	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	CTK3	06-07	2	10		70	D-HANH	Vietnamese
19	VU MAI KHANH	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	2	10	1.346	0	0		
2	PPD	0	0	0	0	70	6		
3	RP2	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		19	2	10	1.346	70	19		
WEIGHT KG				10	1.346	70			

GRAND TOAL: 1.426 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2023	TO: P2 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	19	1	10	50	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P2	06	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HUNG	P2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NAM	P2	23	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	15	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	12-13	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HÙNG CUÔNG	P2	21-22	2	9		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KHANG	P2	17	1	3		85	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	14	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HIỀN	P2	10	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH XANH	P2	11	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SY VANG	P2	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TÂN QUÂN	P2	20	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	08	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ TRÁ	PVD1	49-50	2	17		65	SCHLUMBE	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THÔNG	PVD1	51-52	2	17		64	SCHLUMBE	Vietnamese
20	PIYACHET CHAISORN	PVD1	53-54	2	20		90	SCHLUMBE	Thailand

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	17	85	1.181	50	15		
2	PVD1	3	6	54	219	0	7		
TOTAL		20	23	139	1.400	50	22		
WEIGHT KG				139	1.400	50			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2023	TO: PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - Mạnh - DTùng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	71	1	3		73	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	76	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	NGÔ SỸ THANH	PPD	04	1	3		83	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	77	1	5		78	KHI	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD					60	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	74	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	TRƯƠNG HAI HA	PPD	73	1	4		70	KHI	Vietnamese
8	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	03	1	6		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRUNG LÂN	PPD	72	1	3	7	80	KHI	Vietnamese
11	LÊ THANH TRUNG	PPD	06	1	3		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	01	1	5		74	KHI	Vietnamese
13	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	08	1	6		60	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	79	1	6		85	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	07	1	3		65	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	02	1	5		81	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	78	1	10		68	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	75	1	7		75	KHI	Vietnamese
19	DO VAN TUAN	PPD	05	1	5		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	17	84	1.360	7	20		
TOTAL		19	17	84	1.360	7	20		
WEIGHT KG				84	1.360	7			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	TO: BK5 - BK6 - P2	CREW: Dương - ĐNam - Toan	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	19	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC THẮNG	BK5	20	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	22	1	8	35	62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI QUANG DUY	BK5	21	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	18	1	5		56	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK6	11	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	12	1	5	40	68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	BK6	15-16	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG MINH	BK6	13	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	31	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	P2	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	32	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN SƠN	P2	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG HOANG HIẾU	P2	42	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	P2	34	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO XUÂN PHƯƠNG	P2	37-38	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TOÀN	P2	23-24	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐAO NGUYỄN DU MẠC	P2	29-30	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VĂN THOẠI	P2	25-26	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG KHÁNH	P2	27-28	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỀN	P2	40-41	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ANH	P2	35-36	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	5	33	365	35	5		
2	BK6	4	5	23	287	40	4		
3	P2	13	20	154	898	0	13		
TOTAL		22	30	210	1.550	75	22		
WEIGHT KG				210	1.550	75			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:15
FLIGHT: 09	TO: RP2 - CTK3	CREW: Hoài - TRƯỜNG - Khánh	ETA: 12:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI VAN TUAN	RP2	74	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TUAN	RP2	71	1	6		76	PSV	Vietnamese
3	TA QUANG QUYEN	RP2	68	1	6		96	PSV	Vietnamese
4	TRAN TRONG QUI	RP2	69	1	10		66	PSV	Vietnamese
5	TRAN MINH HUNG	RP2	72	1	7		85	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KIEN	RP2	73	1	7		62	PSV	Vietnamese
7	TRAN NAM TRUNG	RP2	03	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUANG LOI	RP2	70	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HAI SANG	RP2	63	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUNG	RP2	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HUNG	RP2	67	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CHI CUONG	RP2	59-60	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DUY QUYEN	RP2	64	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG XUAN KHOA	RP2					63	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH VAN QUAN	RP2	62	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN DAT	RP2	66	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	16	101	1.117	0	0		
2	CTK3	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		16	16	101	1.117	0	19		
WEIGHT KG				101	1.117	0			

GRAND TOAL: 1.218 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: BK14 - RP2 - CTC1	CREW: LTuấn - MTHAO - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG DŨNG	BK14	24	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHA	BK14	28	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK14	21-23	3	19		78	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN ĐÀU	BK14	26	1	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH HOÀN	BK14	32-33	2	10	65	65	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TÌNH	BK14	34,35	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHÚC	BK14	29-30	2	19		52	XAYLAP	Vietnamese
8	BIỆN VĂN LƯƠNG	BK14	31	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG ĐIỀN	BK14	25	1	8		70	PSV	Vietnamese
10	TELESHENKO IVAN	RP2	70	1	10	5	115	KHOAN	Russian
11	NGUYEN HUY CONG	CTC1	36	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN CONG TUYEN	CTC1	40	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG HOANG ANH	CTC1	34-35	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THE MANH	CTC1	37	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN HUYEN	CTC1	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	CTC1	38	1	10	25	85	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN BIEN	CTC1	42	1	10		70	VMI	Vietnamese
18	LAM TAN TOAN	CTC1	43	1	7		70	VMI	Vietnamese
19	NGUYEN NAM SON	CTC1	39	1	5		80	PSV	Vietnamese
20	BUI DUC ANH	CTC1	44	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

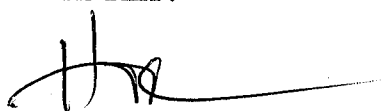
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	9	14	118	617	80	2		
2	RP2	1	1	10	115	5	8		
3	CTC1	10	11	79	741	25	12		
TOTAL		20	26	207	1.473	110	22		
WEIGHT KG				207	1.473	110			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

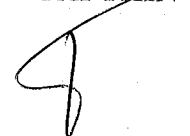
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/07/2023	TO: RC10 - MRM - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VIỆT HẢI	RC10	24	1	4	360	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	20	1	6	30	60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RC10	06	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO XUÂN THỌ	RC10	07	1	5		72	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG SƠN	MRM	53-54	2	17		73	PVD-BAKE	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG MAO	MRM	55-56	2	22		75	PVD-BAKE	Vietnamese
7	LE CÔNG TRĂNG	MRM	59-60	2	20		69	PVD-BAKE	Vietnamese
8	DOAN THANH HUY	MRM	57-58	2	16		67	PVD-BAKE	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	RC3	05-07	3	16	62	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH QUÂN	RC3	17	1	9		69	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÒA	RC3	10	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	PHẠM BA SINH	RC3	11-12	2	10		74	PVGAS	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN CÔNG	RC3	13	1	7		77	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	4	4	23	267	390	4		THAO 1 GHE DOI(2 CHO) DE CHO TPHAM
2	MRM	4	8	75	284	0	4		
3	RC3	7	10	57	480	62	12		
TOTAL		15	22	155	1.031	452	20		
WEIGHT KG				155	1.031	452			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	TO: TD3 - AMD - RP2	CREW: L Tuấn - MTHAO - Huy	ETA: 16:20
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THƯƠNG	TD3	48	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	68	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	65	1	6	3	79	KHOAN	Vietnamese
4	LAI THẾ ĐẠT	TD3	54-55	2	10		95	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	52-53	2	12		52	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	50	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	67	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	43	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	49	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	DƯƠNG THANH TÙNG	TD3	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	ZADOROZHNY VLADIMIR	TD3	57	1	7		103	KHOAN	Russian
13	ĐOÀN VĂN VIỆT	TD3	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	MAKAROV EVGENY	TD3	46	1	14		88	ANTOAN	Russian
15	TRẦN VĂN DŨ	TD3	58	1	6		58	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD3	59	1	11		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD3	62-63	2	16		55	DVL	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD3	42	1	16		81	DVL	Vietnamese
19	LÊ HOÀI THIÊN	TD3	66	1	10		75	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIỆP	TD3	61	1	7		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD3	44-45	2	12		69	DVL	Vietnamese
22	TRẦN VĂN THUẬT	TD3	60	1	15		78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	26	200	1.625	3	16		
2	AMD	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	26	200	1.625	3	22		
WEIGHT KG				200	1.625	3			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/07/2023	TO: TD1 - P4 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 16:25
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I.	TD1	44	1	7		125	KHOAN	Russian
2	SHCHERBAKOV MAXIM	TD1	43	1	7		98	KHOAN	Russian
3	TRAN VAN HIEN	TD1	45	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	TD1	41-42	2	20		73	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	P4					68	KHI	Vietnamese
6	ZAGUDAEV VITALI	P4	26	1	5		77	KHI	Russian
7	HOANG TRONG TAN	P4	23	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN PHUC	P4	16	1	4		68	KHI	Vietnamese
9	LE VAN MANH	P4					59	KHI	Vietnamese
10	PHAM QUOC DUY	P4	21	1	3		61	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HONG PHUC	P4	27-28	2	8		73	KHI	Vietnamese
12	LE VAN HOAN	P4	25	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	VU ANH TUAN	P4	12	1	9		69	CODIEN	Vietnamese
14	LUONG ANH VU	P4	13	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
15	VU DINH CUONG	P4	15	1	4		78	KHI	Vietnamese
16	BUI QUANG HUY	P4	22	1	5		91	KHI	Vietnamese
17	DOAN VAN TRUC	P4	29	1	6		71	KHI	Vietnamese
18	LE QUANG VINH	P4	14	1	6		70	KHI	Vietnamese
19	DUONG DINH HIEN	P4	24	1	4		65	KHI	Vietnamese
20	LE VAN QUANG	P4	19-20	2	16		73	KHI	Vietnamese
21	VU TRONG THANH	P4	17-18	2	16		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	5	46	371	0	1		
2	P4	17	18	106	1.217	0	18		
3	P3	0	0	0	0	4	3		
TOTAL		21	23	152	1.588	4	22		
WEIGHT KG				152	1.588	4			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

